

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ FTECH VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ FTECH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FTECH VIETNAM TECHNOLOGY AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FTECH VIETNAM TECHNOLOGY AND SERVICES.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109527411

**3. Ngày thành lập:** 19/02/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, nhà số 28/460 Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0918 264 721

Fax:

Email:

Website: *info@f-tech.vn*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn...                                                                                                                                         | 1399     |
| 2.  | In ấn<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                          | 1811     |
| 3.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                      | 1812     |
| 4.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển: Máy in, máy photocopy, các máy móc phục vụ văn phòng khác... | 7730     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                 | 4610     |
| 6.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                             | 4101     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                           | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                            | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                        | 4653     |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                      | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.                  | 4663        |
| 12. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ bán hàng quan hoạt động đầu giá)                                                                                 | 4791        |
| 13. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                            | 6201        |
| 14. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                              | 6202        |
| 15. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất phần mềm (Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                         | 5820(Chính) |
| 16. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                | 6209        |
| 17. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                    | 6311        |
| 18. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử, mạng xã hội (trừ hoạt động báo chí)                                                                               | 6312        |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ hoạt động tư vấn quản lý về văn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán)                                                                            | 7020        |
| 20. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; | 6399        |
| 21. | Quảng cáo                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                         | 7320        |
| 23. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                          | 8110        |
| 24. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                            | 8211        |
| 25. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                         | 8219        |
| 26. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                        | 8230        |
| 27. | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                 | 8511        |
| 28. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                | 8512        |
| 29. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy kỹ năng về máy tính, công nghệ thông tin                                 | 8559        |
| 30. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ tư vấn du học                                                                                                                | 8560        |

6. **Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGHIÊM MINH HOÀNG | Số 57 Sơn Tây, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông         | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 001090032179                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           | Tổng số                   | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ VIỆT HUY       | P29 Khu D Tập thể in ngân hàng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 001082034179                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           | Tổng số                   | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                              |                                    |        |             |        |                  |  |
|---|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 3 | VŨ HUY<br>TĂNG | Cụm 4, thôn Mỗ<br>Trạch, Xã Tân<br>Hồng, Huyện<br>Bình Giang, Tỉnh<br>Hải Dương, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 | 0300870046<br>15 |  |
|   |                |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                              | Tổng số                            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |                  |  |
|   |                |                                                                                              |                                    |        |             |        |                  |  |
| 4 | LÊ ĐỨC<br>QUÂN | Tổ 25, Phường<br>Thịnh Liệt, Quận<br>Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 | 011834293        |  |
|   |                |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                              | Tổng số                            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |                  |  |
|   |                |                                                                                              |                                    |        |             |        |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGHIÊM MINH HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 20/05/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001090032179

Ngày cấp: 14/11/2019

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 57 Sơn Tây, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 57 Sơn Tây, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội